

Hình 1: Sơ đồ lớp quản lí nhà phân phối

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | DoiTac | | Mã số: CLS\_01 |
| Tham chiếu: [UCCN-01] [UCNV-02] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin đối tác | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ID\_DoiTac | Mã đối tác | |
| TenCT | Tên công ty đối tác | |
| DiaChi | Địa chỉ công ty đối tác | |
| SoDT | Số điện thoại của công ty đối tác | |
| Email | Email của công ty đối tác | |
| TenDD | Họ tên người đại diện bên công ty đối tác | |
| ChucVu | Chức vụ người đại diện của công ty đối tác | |
| SoDT\_NguoiDD | Số điện thoại của người đại diện bên công ty đối tác | |
| TinhTrang | Tình trạng của tiếp nhân thông tin đối tác của công ty: chưa xử lí, chưa hẹn gặp mặt, đồng ý điều khoản hợp đồng, không đồng ý làm hợp đồng. | |
| GhiChu | Các thông tin khác: lý do không đồng ý lập hợp đồng… | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| KiemTraSDT( ) | Kiểm tra số điện thoại có hợp lệ ( đủ số lượng chữ số…) | |
| KiemTraEmail( ) | Kiểm tra email hợp lệ về định dạng… | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| Không có | Không có | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | NhaPhanPhoi | | Mã số: CLS\_02 |
| Tham chiếu: [UCCN-02] [UCNV-06] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin nhà phân phối | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ID\_DH | Mã hợp đồng | |
| TenCT | Tên công ty nhà phân phối | |
| DiaChi | Địa chỉ công ty nhà phân phối | |
| SoDT | Số điện thoại của công ty nhà phân phối | |
| Email | Email của công ty nhà phân phối | |
| CongNo | Công nợ hiện tại của nhà phân phối | |
| TinhTrang | Tình trạng của tiếp nhân thông tin đối tác của công ty: đang hoặc hết làm nhà phân phối của công ty. | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có | Không có | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| NguoiDaiDien  HopDong | Một nhà phân phối có nhiều người đại diện cho nhiều hợp đồng khác nhau | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | HopDong | | Mã số: CLS\_03 |
| Tham chiếu: [UCCN-07] [UCNV-08] [UCNV-09] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin hợp đồng | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ID\_HopDong | Mã hợp đồng | |
| TGBatDau | Thời gian bắt đầu hợp đồng | |
| TGKetThuc | Thời gian kết thúc hợp đồng | |
| GiaTriDonHangNhoNhat | Tổng giá trị phiếu đặt hàng nhỏ nhất để công ty đi giao hàng cho nhà phân phối | |
| CongNoToiDa | Công nợ tối đa của nhà phân phối có thể nợ công ty | |
| TienHoaHong | Tỉ lệ tiền hoa hồng mà nhà phân phối được hưởng | |
| TinhTrang | Tình trạng hợp đồng: còn hiệu lưc hoặc đã chấm dứt | |
| GhiChu | Các thông tin khác: lý do chấm dứt hợp đồng | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| HuyHopDong( ) | Thực hiện hủy hợp đồng | |
| KiemTraHanHopDong (KhoangTG) | Kiểm tra hợp đồng có hết hạn sau một khoảng thời gian hay không? | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| NhaPhanPhoi | Một hợp đồng chỉ thuộc về một nhà phân phối. Một nhà phân phối có thể có nhiều hợp đồng. | |
| NguoiDaiDien | Một hợp đồng chỉ có một người đại diện nhà phân phối thực hiện việc ký kết. Một người đại diện của nhà phân phối có thể đại diện ký nhiều hợp đồng. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên class | NguoiDaiDien | | Mã số: CLS\_04 |
| Tham chiếu: [UCCN-01] [UCNV-02] [R1] |
| Mô tả | Lưu trữ thông tin người đại diện của nhà phân phối | | |
| Thuộc tính | Tên thuộc tính | Mô tả | |
| ID\_NDD | Mã người đại diện | |
| SoDT | Số điện thoại của công ty nhà phân phối | |
| CMND | Số chứng minh nhân dân của người đại diện | |
| Chức vụ | Chức vụ của người đại diện tại công ty nhà phân phối | |
| Phương thức | Tên phương thức | Mô tả | |
| Không có | Không có | |
| Quan hệ | Tên lớp | Mô tả | |
| HopDong | Một người đại diện có thể ký nhiều hợp đồng. Một hợp đồng chỉ có thể do một người đại diện ký | |
| NhaPhanPhoi | Một người đại diện chỉ thuộc về một nhà phân phối. Một nhà phân phối có thể có nhiều người đại diện. | |